TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** TỈNH GIA LAI ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 02/2018/KDTM-ST
Ngày: 12-02-2018
"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI
-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thưởng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Dệt và bà Trần Thị Thúy Lợi.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Quang Hoàn, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12-02-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số: 82/2017/TLST-KDTM ngày 24 tháng 10 năm 2017 *"Về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-KDTM ngày 04-01-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2018/QĐST-KDTM ngày 22/01/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ; Số nhà 02, đường L, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thẩm L, chức vụ Phó giám đốc Ngân hàng N (theo Quyết định về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Ngân hàng N; giấy ủy quyền số 59A/NHNoHT-GUQ ngày 24/10/2017 của Giám đốc Ngân hàng N). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Quang H, sinh năm 1979 và bà Lang Thị L, sinh năm 1988; cùng địa chỉ cư trú: Số nhà 274/2/14, đường L, tổ 8, (địa chỉ cũ: Số nhà 12/2/160, 14/12/160 hẻm L) phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và Đơn khởi kiện bổ sung cùng ngày 13-10-2017, bản tự khai, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 5017-LAV-201700099/HĐTD ngày 07 tháng 02 năm 2017, Ngân hàng N đã giải ngân cho ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L vay số tiền 400.000.000 đồng về mua bán hàng nông sản, lãi suất cho vay thỏa thuận 9,50%/năm (tại thời điểm nhận nợ), thời

hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 07 tháng 02 năm 2017.

Để bảo đảm trả nợ cho khoản vay trong Hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L dùng tài sản của mình là nhà ở cấp 4C diện tích 72,42 m^2 và quyền sử dụng đất với diện tích 173,79 m^2, thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 57, địa chỉ tại 12/2/160, 14/12/160 hẻm L (địa chỉ hiện nay là 274/2/14, đường L, tổ 8), phường T, thành phố P, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 3574/TC ngày 17 tháng 01 năm 2014 giữa ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L với Ngân hàng N.

Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ, ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L phải liên đới trả hết toàn bộ số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 12 tháng 02 năm 2018 là 39.425.000 đồng. Nếu ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L không trả được số tiền trên thì Ngân hàng sẽ yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản là 01 nhà xây cấp 4C, diện tích xây dựng 72,42 m^2, diện tích sử dụng 72,42 m^2 và quyền sử dụng đất 173,79 m^2, thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 57, địa chỉ nhà và đất tại: Số nhà 274/2/14, đường L, thành phố P đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 3574/TC ngày 17 tháng 01 năm 2014, giữa Ngân hàng N với ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L để thu hồi nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố P đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Huỳnh Quang H, nhưng ông H cố tình trốn tránh không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên không có lời trình bày của ông H trong hồ sơ vụ án.

Tại bản tự khai vào ngày 15 tháng 11 năm 2017, bà Lang Thị L trình bày: Ngày 07/02/2017, bà Lang Thị L và ông Huỳnh Quang H có ký Hợp đồng vay của Ngân hàng N số tiền 400.000.000 đồng. Khi vay tiền, bà L và ông H thế chấp quyền sử dụng đất 173,79 m^2, thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 57; địa chỉ tại số nhà 274/2/14, đường L, thành phố P. Hiện nay, vợ chồng bà L đang gặp khó khăn về kinh tế, chưa đủ tiền để trả nợ nên bà L đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng bà L thỏa thuận với Ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bà Bùi Thị Thẩm L trình bày: Thống nhất với lời trình bày tại bản tự khai và nội dung đơn khởi kiện. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn là ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L phải liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính đến ngày 12 tháng 02 năm 2018 là 39.425.000 đồng; tổng cộng tiền gốc và tiền lãi phải trả là 439.425.000. Nếu ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L không trả được số tiền trên thì Ngân hàng sẽ yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản là 01 nhà xây cấp 4C, diện tích xây dựng 72,42 m^2, diện tích sử dụng 72,42 m^2 và quyền sử dụng đất 173,79 m^2, thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 57, địa chỉ nhà và đất tại: Số nhà 274/2/14, đường L,

thành phố P đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 3574/TC ngày 17 tháng 01 năm 2014, giữa Ngân hàng N với ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:

-Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"* xảy ra trên thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân thành phố P theo lãnh thổ và cấp xét xử.

-Người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng.

-Thu thập chứng cứ, việc cấp và tống đạt các giấy tờ cho Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

-Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 12/02/2018 là 39.425.000 đồng.

-Về tiền chi phí xem xét tại chỗ và tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Buộc ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L phải liên đới chịu toàn bộ số tiền án phí Kinh doanh, thương mại sơ thẩm và toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn ông H và bà L.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Ngày 07 tháng 02 năm 2017, ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L ký Hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng N số tiền 400.000.000 đồng, mục đích vay về mua bán hàng nông sản nên quan hệ pháp luật của vụ án này là: *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"* quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn thường trú tại thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P.

[3] Xét về điều kiện làm đơn khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 07 tháng 02 năm 2017, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đã ký Hợp đồng tín dụng số: 5017-LAV-201700099/HĐTD đã giải ngân vốn vay cho ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L vay số tiền 400.000.000 đồng, mục đích vay về mua bán hàng nông sản, thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 07/02/2017, lãi suất vay 9,50%/năm, phương

pháp trả lãi tiền vay là 6 (sáu) tháng/01 kỳ. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ lãi (từ ngày 07/8/2017 trở đi), Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông H và bà L trả lãi nhưng ông H và bà L không trả nợ lãi theo cam kết trong Hợp đồng tín dụng.

Tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số: 5017-LAV-201700099/HĐTD đã được hai bên tham gia ký hợp đồng thống nhất nội dung về quyền của Ngân hàng được chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện bên B cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm Hợp đồng tín dụng.

Như vậy, tính đến ngày Ngân hàng làm đơn khởi kiện là ngày 13 tháng 10 năm 2017, thời điểm này thì ông H và bà L chưa vi phạm thời hạn trả nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số: 5017-LAV-201700099/HĐTD, nhưng đã vi phạm thời hạn trả nợ lãi nên Ngân hàng được quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu ông H và bà L phải trả nợ toàn bộ vốn vay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, để bị đơn thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của mình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bị đơn là ông Huỳnh Quang H không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình hoặc phản đối yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 11 năm 2017, bị đơn bà Lang Thị L trình bày thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian vay tiền, số tiền đã vay, tài sản thế chấp và số tiền hiện nay vợ chồng bà L còn nợ Ngân hàng N. Nhưng bà L không thống nhất được thời gian trả nợ tiền.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã có đủ cở sở khẳng định hiện nay ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L còn nợ Ngân hàng N số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính đến ngày 12 tháng 02 năm 2018 là 39.425.000 đồng; tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi mà ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L phải trả Ngân hàng N là 439.425.000 đồng.

Ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền vay nên Ngân hàng N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L phải trả nợ cho Ngân hàng N số tiền 439.425.000 đồng là có cơ sở và được chấp nhận.

Ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L có quan hệ vợ chồng, mục đích vay tiền về sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng nên ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L phải liên đới trả nợ tiền cho Ngân hàng N.

Đối vơi Hợp đồng thế chấp tài sản số: 3574/TC ngày 17 tháng 01 năm 2014, giữa Ngân hàng N với ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L được các bên tự nguyện ký kết và nội dung Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, thể hiện sự tự nguyện của chủ sở hữu tài sản là ông H và bà L bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Tuy Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên được xác lập trước ngày Hợp đồng tín dụng số: 5017-LAV-201700099/HĐTD (đối tượng tranh chấp trong vụ án

này) nhưng vẫn có giá trị bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng tín dụng số 5017-LAV-201700099/HĐTD. Bởi vì, tại Khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp nêu trên có thỏa thuận về việc bảo đảm cho việc thực hiện các nghĩa vụ trong tương lai, cụ thể: *"Bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, lãi quá hạn, các loại phí đối với các Hợp đồng tín dụng ký từ sau ngày 17 tháng 01 năm 2014"*.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ cho thấy tài sản đã thế chấp thể hiện tại Hợp đồng thế chấp tài sản số: 3574/TC ngày 17 tháng 01 năm 2014 hiện vẫn còn tồn tại và trùng hợp với tài sản đã được xem xét, thẩm định tại chỗ. Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ thì tài sản này không có người ở, nhưng địa chỉ số nhà đã thay đổi thành số nhà 274/2/14, đường L, tổ 8, (địa chỉ cũ: Số nhà 12/2/160, 14/12/160 hẻm L) phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vì vậy, buộc bị đơn là ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L phải trả nợ số tiền 439.425.000 đồng cho Ngân hàng N. Nếu ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L không trả tiền cho Ngân hàng N, thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản của ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 3574/TC ngày 17 tháng 01 năm 2014, giữa Ngân hàng N với ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L để thu hồi nợ.

[4] Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L phải liên đới chịu toàn bộ số tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm là 21.577.000 đồng và phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền đã chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.400.000 đồng.

Ngân hàng N không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm; trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm là 10.521.000 đồng theo Biên lai số 0003708 ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 157 và các Điều: 227, 235, 267, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

-Căn cứ vào Điều 4 của Luật Thương mại;

-Áp dụng các Điều 181; 290; 298; 351; 355; 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L phải liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính đến ngày 12 tháng 02 năm 2018 là 39.425.000 đồng; tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 439.425.000 (bằng chữ: Bốn trăm ba mươi chín triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn) đồng. Nếu ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L không trả nợ số tiền trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản là 01 nhà xây cấp 4C, diện tích xây dựng 72,42 m^2, diện tích sử dụng 72,42 m^2 và quyền sử dụng đất 173,79 m^2, thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 57; địa chỉ nhà và đất tại: Số nhà 274/2/14, đường L, thành phố P, đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 3574/TC ngày 17 tháng 01 năm 2014, giữa N với ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L để thu hồi nợ.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của hợp đồng tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L phải liên đới chịu số tiền 21.577.000 (bằng chữ: Hai mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn) đồng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm và phải thanh toán cho N số tiền đã chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.400.000 (bằng chữ: Ba triệu bốn trăm ngàn) đồng.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm; trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm là 10.521.000 (bằng chữ: Mười triệu năm trăm hai mươi mốt ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0003708 ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là Ngân hàng N được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là ông Huỳnh Quang H và bà Lang Thị L được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhân được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Về quyền yêu cầu thi hành án: *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
-VKSND thành phố P;
-Chi cục THADS TP.P;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Thưởng